

Bản án số: **411/2026/LH-ST**

Ngày: 17/04/2026

Về việc: *Ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Dương Thị Diễm**

Bà Nguyễn Thị Lan Ka

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Đoàn Đào Thùy Anh** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 04 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 682/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2026/QĐXX-ST ngày 20 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2026/QĐHPT-ST ngày 08 tháng 04 năm 2026 về việc: Ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Tuyết N – Sinh năm 1990

Hộ khẩu thường trú: Số A L, phường Ô, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số nhà B ngõ C H, phường Ô, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Lê Quốc H – Sinh năm 1985

Nơi thường trú: Số 21 phố Hàng Bè, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Hiện ở: Ngõ 21 phố Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Chị N có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2025 và tại các buổi làm việc do Tòa án tiến hành, nguyên đơn – chị Lê Tuyết N trình bày như sau:

Chị và anh Lê Quốc H tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND phường K, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội). Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, tính cách và lối sống không phù hợp, anh chị không nói chuyện, không chia sẻ được với nhau. Năm 2020 gia đình anh H kinh doanh thua lỗ dẫn đến khó khăn về kinh tế phải đi thuê nhà ở. Suốt thời điểm đó chị đồng hành chia sẻ khó khăn với anh H. Tuy kinh tế gia đình khó khăn nhưng anh H chưa cố gắng, không đi làm để có thu nhập. Khoảng năm 2024, chị và gia đình khuyên anh H trong thời gian này chịu khó làm bất cứ việc gì kể cả lao động chân tay hay chạy xe ôm để kiếm tiền lo cho gia đình nhưng anh H không đồng ý mà tiếp tục ở nhà chơi, không đi làm. Vợ chồng chị sống mỗi người một nơi từ đầu năm 2023 đến nay, anh chị ly thân và kinh tế riêng biệt không liên quan đến nhau nữa. Chị đã cố gắng khuyên anh H thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Trong thời gian Tòa án tiến hành hòa giải cho cả hai quay về đoàn tụ nhưng anh H vẫn không có hành động gì cụ thể, không đi làm, thái độ thờ ơ, không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị xác định không thể quay về đoàn tụ với anh H được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Tiến H1; sinh ngày 19/10/2019; giới tính: Nam. Cháu H1 hiện đang do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu đến khi con trưởng thành. Do hiện nay chị có công việc ổn định là Trưởng nhóm văn thư Công ty cổ phần H2, thu nhập hàng tháng khoảng 18.000.000 đồng và có chỗ ở ổn định. Ngoài ra, chị có bố mẹ giúp đỡ chăm sóc dạy dỗ cháu H1. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản), công nợ: Chị N trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Lê Quốc H trình bày: Anh đã nghe rõ và nhất trí với phần trình bày của chị N về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh không hề có phát sinh mâu thuẫn hay xích mích gì như chị N trình bày. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc năm 2020 gia đình anh kinh doanh thua lỗ dẫn đến nợ nần. Do gia đình anh gặp khó khăn về kinh tế nên hai vợ chồng có quãng thời gian từ đầu năm 2023 đến nay mỗi người sống một nơi nhưng anh vẫn thường xuyên quan tâm, chăm sóc con, vợ chồng vẫn nói chuyện

với nhau bình thường. Anh vẫn yêu thương vợ con, không muốn gia đình chia ly, ảnh hưởng đến việc học hành và tâm lý của con. Anh mong muốn Tòa án hòa giải để anh chị được hàn gắn lại tình cảm vợ chồng.

Về con: Anh H trình bày anh chị có 01 con chung là cháu Lê Tiến H1; sinh ngày 19/10/2019, hiện nay cháu đang ở với mẹ. Anh biết cháu ở với mẹ sẽ tốt hơn vì chị N và ông bà ngoại chăm sóc yêu thương con anh. Tuy nhiên anh mong muốn con có được đầy đủ tình yêu thương của cả bố và mẹ nên không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ: Anh H trình bày không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – chị Lê Tuyết N giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên. Chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh H vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, anh chị đã ly thân mỗi người một nơi một thời gian dài, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, xác minh và thu thập chứng cứ đúng quy định.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H.

Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung không có nên đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí, quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về ly hôn với bị đơn là anh Lê Quốc H. Anh H đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường H và hiện ở trên địa bàn phường C, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là vụ án về “Ly hôn”. Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo cấp, theo lãnh thổ và theo loại việc. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Tuyết N và anh Lê Quốc H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND phường K, quận B, thành phố Hà Nội (nay là UBND phường G, thành phố Hà Nội). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ do đương sự cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập và lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn chị N và anh H chung sống hạnh phúc được một vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống, quan điểm sống không phù hợp. Mâu thuẫn của anh chị còn xuất phát từ việc chị N cho rằng anh H chưa cố gắng, không chịu đi làm để chăm lo cho gia đình. Về phía anh H cho rằng chị N không thông cảm cho anh mà có nhiều biểu hiện lạnh nhạt, thờ ơ cả trong lời nói lẫn hành động. Do không tìm được tiếng nói chung nên anh chị đã sống ly thân từ 03 năm nay, không ai quan tâm đến ai nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm mục đích giúp anh chị khắc phục được những vấn đề tồn tại để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N kiên quyết xin ly hôn, anh H có đến Tòa án một lần, sau đó không đến Tòa để tham gia phiên hòa giải, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Xét thấy chị N đã không còn tình cảm với anh H, anh chị không quan tâm tới nhau, không còn chung sống với nhau từ năm 2023 đến nay. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và để tạo điều kiện cho

các bên ổn định cuộc sống riêng, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H.

Về con chung: Xác định anh chị có một con chung là cháu Lê Tiến H1, sinh ngày 19/10/2019. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1 đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh H trình bày cháu H1 ở với mẹ là tốt hơn cả và không tranh chấp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con chưa thành niên.

Xét thấy, cháu H1 còn nhỏ, hiện đang ăn ở, sinh hoạt ổn định với chị N. Anh H có quan điểm cháu ở với mẹ sẽ tốt hơn vì cháu được mẹ và ông bà ngoại yêu thương chăm sóc. HĐXX xét thấy chị N có chỗ ở, có công việc, có thu nhập ổn định nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu H1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dạy là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX tạm hoãn việc đóng góp nuôi con đối với anh H đến khi chị N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản), nợ chung: Anh chị đều khai không có gì, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí, quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 19; Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Tuyết N đối với anh Lê Quốc H. Chị N được ly hôn anh H.

2. Về con chung: Xác định anh chị có 01 con chung là cháu Lê Tiến H1 - sinh ngày 19/10/2019. Giao cháu H1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con đối với anh H đến khi chị N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản), công nợ: Anh chị đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0014918 ngày 04/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Lê Tuyết N, vắng mặt anh Lê Quốc H. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 1 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nguyên